

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU
ĐIỀU TRA ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG DOANH
NGHIỆP NĂM 2019

Hà Nội, 2019

PHẦN I: NHIỆM VỤ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN

NHIỆM VỤ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN

(Áp dụng đối với ĐTV về điều tra đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp năm 2019)

Điều tra viên (viết tắt là ĐTV) là người thu thập thông tin ban đầu. Thông tin ban đầu được thu thập một cách đầy đủ, phản ánh đúng thực tế khách quan là yếu tố quyết định tính chính xác của các chỉ tiêu thống kê tổng hợp và đóng vai trò quan trọng cho sự thành công của cuộc điều tra. Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, ĐTV còn góp phần giảm chi phí cho các công việc tiếp theo của quá trình điều tra, chẳng hạn như: giảm chi phí xác minh lại thông tin, làm sạch dữ liệu, tiết kiệm thời gian xử lý... Vì vậy, mỗi ĐTV cần quán triệt nhiệm vụ và công việc được giao dưới đây.

1. Nhiệm vụ chung

- Nhận phiếu điều tra và danh sách đơn vị điều tra trên địa bàn, liên hệ hoặc trực tiếp đến các đơn vị điều tra được phân công để thu thập thông tin trong phiếu điều tra theo đúng hướng dẫn.

- ĐTV phải đọc kỹ Phương án điều tra và các văn bản hướng dẫn có liên quan, trao đổi để làm rõ những vấn đề chưa thống nhất trước khi đến cơ sở (doanh nghiệp).

- Trong quá trình thu thập thông tin, ĐTV cần gợi ý để người trả lời cung cấp thông tin một cách chính xác và ghi rõ ràng vào phiếu điều tra. Nếu nhận thấy thông tin được cung cấp chưa rõ, khó điền chính xác vào phiếu điều tra, cần phải trao đổi lại. Chỉ ghi vào phiếu những thông tin trung thực, đã được kiểm tra, không tự ý điền thông tin vào phiếu điều tra.

- Tổng hợp danh sách đơn vị điều tra trên địa bàn được phân công, kiểm tra và hoàn thiện phiếu điều tra, giao nộp phiếu điều tra hoàn chỉnh cho người có trách nhiệm hoặc cơ quan, đơn vị liên quan.

2. Nhiệm vụ cụ thể

Nhiệm vụ cụ thể của ĐTV được thể hiện trong ba giai đoạn của quá trình thu thập thông tin: Chuẩn bị điều tra - Thực hiện điều tra tại địa bàn - Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao phiếu điều tra.

2.1. Giai đoạn chuẩn bị điều tra

Trong thời gian chuẩn bị điều tra, ĐTV cần thực hiện các yêu cầu sau đây:

- Tham dự đầy đủ các lớp tập huấn nghiệp vụ do Ban chỉ đạo điều tra (BCDDT) tổ chức. Tham dự tập huấn, ĐTV được trang bị đầy đủ kiến thức chủ yếu liên quan đến nhận dạng đơn vị, nội dung, phương pháp điều tra, được chia sẻ kinh nghiệm thực tế và được thực hành với các trường hợp đặc thù. Tại các lớp tập huấn, ĐTV còn được thảo luận, giải đáp thắc mắc, hoặc được làm rõ thêm những nội dung còn vướng mắc.

- Nghiên cứu kỹ cuốn “Sổ tay điều tra viên đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp tại Việt Nam năm 2019” để nắm vững nghiệp vụ điều tra trước khi đến cơ sở thu thập thông tin giúp ĐTV tự tin khi tiếp xúc với cơ sở. Chẳng hạn, nắm vững mục đích điều tra khi tiếp xúc với chủ cơ sở, ĐTV sẽ giải thích rõ ràng, mạch lạc mục đích điều tra đổi mới sáng tạo với chủ cơ sở, và khi đó họ sẽ hiểu và sẵn sàng hợp tác với ĐTV trong quá trình phỏng vấn. Hoặc, khi ĐTV hiểu rõ toàn bộ nội dung trong phiếu điều tra, chuẩn bị sẵn những tình huống có thể xảy ra trong thực tế trước khi tiếp cận với cơ sở, doanh nghiệp, thì khi phỏng vấn ĐTV sẽ không bị lúng túng, có cách xử phù hợp với từng trường hợp và như vậy sẽ tạo được niềm tin với người trả lời, kết quả thu thập thông tin của ĐTV sẽ được thuận lợi hơn. Lưu ý: Nội dung “Đổi mới sáng tạo” (chủ đề chính trong cuộc điều tra này) là khái niệm rất khó và trừu tượng; vì vậy đòi hỏi điều tra viên phải đọc thật kỹ giải thích, rồi liên hệ với thực tế để vận dụng cho phù hợp theo từng câu hỏi khi tiến hành phỏng vấn thu thập thông tin.

- Chủ động tiếp cận, trao đổi công việc với người phụ trách địa bàn để nắm bắt các thông tin cần thiết như: số điện thoại liên hệ, địa điểm cần gặp, tiếp nhận kế hoạch chi tiết, các tài liệu, dụng cụ phục vụ điều tra, thời gian điều tra và giao nhận tài liệu và một số thông tin khác.

- Nghiên cứu kỹ danh sách đơn vị điều tra, khảo sát địa bàn điều tra được phân công, lập lịch trình chi tiết cho từng ngày đến các doanh nghiệp để thu thập thông tin và gửi lịch trình điều tra cho những người phụ trách liên quan.

- Nhận phiếu, tài liệu điều tra, các trang thiết bị, vật tư cần thiết cho điều tra viên (phiếu điều tra, giải thích phiếu điều tra, sổ liệt kê danh sách đơn vị điều tra, sổ tay điều tra viên, sổ ghi chép, bút bi,...).

2.2. Giai đoạn thực hiện điều tra tại địa bàn

- Đến đơn vị điều tra, yêu cầu của điều tra viên đối với quy định thực hiện điều tra tại địa bàn là phải mang theo: lịch trình điều tra, danh sách các đơn vị điều tra được phân công, phiếu điều tra và các tài liệu cần thiết phục vụ điều tra.

- Khi tiếp xúc với doanh nghiệp, điều tra viên cần làm đủ các thủ tục giao tiếp ban đầu và đề đạt nguyện vọng cần gặp chủ (đại diện) doanh nghiệp. Khi tiếp xúc với chủ doanh nghiệp, cũng cần có thái độ nhã nhặn, chào hỏi, giới thiệu và nói rõ nhiệm vụ của điều tra viên. Trước khi phỏng vấn thu thập thông tin, cần giải thích ngắn gọn, rõ ràng mục đích của cuộc điều tra để nhận được sự hợp tác của người trả lời. Sau những nội dung thông tin chung về doanh nghiệp, nếu người trả lời nói không rõ những thông tin về đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp thì điều tra viên đề nghị được gặp những đội tượng khác nắm được tình hình hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp để phỏng vấn tiếp.

- Cần chuẩn bị sẵn những câu hỏi phù hợp với từng mục trong phiếu điều tra. Nếu có mục nào thấy khó đối với người trả lời, cần khéo léo gợi ý hoặc chuyển đến hỏi mục tiếp theo, sau khi hỏi hết các mục tiếp theo, quay lại hỏi các mục đã bỏ qua. Khi đó, người trả lời có thể hiểu hơn về những nội dung ĐTV cần phỏng vấn và có thể trả lời những mục trước một cách dễ dàng hơn.

- Cần kiểm tra kỹ nội dung của phiếu điều tra xem có thông tin nào chưa được điền hoặc thông tin chưa hợp lý thì cần hỏi thêm để bổ sung hoặc chỉnh sửa cho hợp lý. Trước khi rời doanh nghiệp, cần cảm ơn sự hợp tác của họ.

- Sau mỗi ngày kết thúc điều tra, ĐTV cần kiểm tra lại toàn bộ các phiếu đã thực hiện trong ngày để tiếp tục hoàn thiện phiếu. Nếu phát hiện phiếu điều tra của đơn vị nào đó chưa hoàn chỉnh, thiếu logic (sót thông tin chưa điền, thông tin chưa hợp lý...), thì điều tra viên có thể liên hệ lại với đơn vị đó (bằng điện thoại hoặc trực tiếp) để hỏi lại và hoàn thiện phiếu. Điều tra viên sắp xếp các phiếu đã hoàn chỉnh theo một trật tự nhất định (nên sắp xếp theo số thứ tự tăng dần của ô mã phiếu (ghi ở đầu phiếu) để tiện kiểm, bảo quản, lưu giữ và bàn giao phiếu với tổ trưởng theo quy định. Chú ý: phiếu điều tra của các doanh nghiệp thuộc danh sách điều tra toàn bộ sẽ để với nhau, và phiếu điều tra của doanh nghiệp thuộc danh sách điều tra chọn mẫu để với nhau. Khi điều tra nếu gặp trường hợp doanh nghiệp thuộc danh sách điều tra toàn bộ nhưng khi điều tra có số lao động nhỏ hơn 200 người thì vẫn để ở danh sách các đơn vị điều tra toàn bộ, hoặc gặp doanh nghiệp thuộc danh sách doanh nghiệp điều tra chọn mẫu nhưng có số lao động lớn hơn 200 người thì vẫn để ở danh sách các đơn vị chọn mẫu.

- Trong quá trình thu thập thông tin tại cơ sở, nếu có điều gì còn băn khoăn, vướng mắc cần ghi chép lại để tìm hiểu thêm và báo cáo tổ trưởng biết để xử lý.

- Tuyệt đối không được cung cấp bất cứ thông tin nào trong phiếu điều tra với các đối tượng không có liên quan.

- Trường hợp không tìm thấy đơn vị điều tra theo danh sách, thì phải hỏi kỹ để biết thông tin và ghi rõ lý do không tìm thấy cơ sở theo danh sách, đồng thời báo về cơ quan chỉ đạo tổ chức điều tra để lựa chọn hoặc hướng dẫn lựa chọn đơn vị thay thế.

2.3. Giai đoạn kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao

- Việc kiểm tra phiếu được ĐTV thực hiện hàng ngày. Phiếu đã hoàn chỉnh được sắp xếp trật tự và bảo quản cẩn thận để bàn giao cho người có thẩm quyền.

- Tuyệt đối giữ bí mật những thông tin ghi trong phiếu điều tra; không cho bất cứ ai mượn, sao chép phiếu điều tra (trừ người phụ trách trực tiếp). Nếu để lộ bí mật những thông tin ghi trong phiếu, ĐTV phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật (*Khoản e, Điều 10, Luật Thống kê năm 2015 có quy định nghiêm cấm hành vi... tiết lộ dữ liệu thông tin thống kê chưa được công bố; sử dụng dữ liệu thông tin của các tổ chức, cá nhân ngoài mục đích thống kê khi chưa được sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó*).

- Giao nộp phiếu điều tra cho người có thẩm quyền: ĐTV phải nộp phiếu điều tra đã điền đầy đủ, chính xác thông tin cho tổ trưởng theo kế hoạch. Điền đầy đủ thông tin vào “Phiếu giao nhận số lượng và kết quả nghiệm thu chất lượng phiếu điều tra giữa điều tra viên và người có trách nhiệm tiếp nhận”. ĐTV phải ký và yêu cầu người nhận ký xác nhận vào phiếu giao nhận.

PHẦN II: GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU ĐIỀU TRA

THÔNG TIN CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP

Mã số phiếu (in ở đầu phiếu góc bên phải)

Mã số phiếu gồm 09 ký tự bao gồm cả chữ và số, được sắp xếp theo quy tắc sau:

- 2 ký tự số đầu tiên: Mã tỉnh (được quy định tại Đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê - <http://www.gso.gov.vn/dmhc2015/>)
- 1 ký tự chữ tiếp theo: Cỡ doanh nghiệp (L hoặc V hoặc N), tương ứng:
 - + L: Doanh nghiệp lớn
 - + V: Doanh nghiệp vừa
 - + N: Doanh nghiệp nhỏ
- 2 ký tự số tiếp theo: Mã ngành cấp 2
- 4 ký tự số tiếp theo: Số thứ tự phiếu của tỉnh/thành phố.

Phần I: Thông tin chung về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp: Ghi tên chính thức của doanh nghiệp bằng chữ in hoa theo quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Mã số thuế: Ghi mã số thuế do cơ quan Thuế/cơ quan Quản lý đăng ký kinh doanh cấp.

3. Năm thành lập: Ghi năm thành lập của doanh nghiệp theo quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Địa chỉ doanh nghiệp: Ghi tỉnh/TP trực thuộc trung ương mà trụ sở giao dịch chính của doanh nghiệp đóng tại. Ghi đầy đủ, không viết tắt các thông tin, để có thể ghi mã đúng. Các ô mã trong mục địa chỉ do Điều tra viên ghi.

5. Cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp

Doanh nghiệp ghi rõ phần trăm (%) vốn theo vốn Nhà nước, vốn tư nhân trong nước và vốn nước ngoài. Tổng cơ cấu vốn (vốn Nhà nước, vốn tư nhân trong nước, vốn nước ngoài) là 100%.

6. Ngành thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Ghi rõ 01 ngành tạo ra doanh thu lớn nhất hoặc sử dụng nhiều lao động nhất. Điều tra viên điền mã ngành tương ứng.

7. Lao động năm 2018

Ghi tổng số lao động mà doanh nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng và trả lương; Bao gồm lao động được trả công, trả lương và lao động không được trả công, trả lương (kể cả chủ doanh nghiệp tư nhân).

Tại thời điểm 31/12/2018: Ghi tổng số lao động của doanh nghiệp hiện có trong danh sách tại thời điểm 31/12/2018. Trong đó ghi riêng số lao động có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên.

8. Doanh thu thuần chế biến, chế tạo 2018

Doanh thu thuần là khoản doanh thu bán hàng sau khi đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu như: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại.

Trong đó, ghi tỷ lệ phần trăm của doanh thu thuần từ xuất khẩu sản phẩm trong tổng doanh thu thuần.

9. Tổng giá trị máy móc, thiết bị của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2018

Máy móc thiết bị là những tài sản cố định hữu hình (có giá trị từ 30 triệu đồng và có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên) ngoài bất động sản, phục vụ tạo ra thu nhập cho doanh nghiệp. Đây là tổng giá trị máy móc, thiết bị, dụng cụ dùng cho sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu, thí nghiệm... bao gồm những máy móc chuyên dùng, máy móc, thiết bị công tác, dây chuyền công nghệ và những máy móc đơn lẻ, tại thời điểm 31/12/2018 (giá hiện hành: giá trị còn lại của tài sản).

10. Doanh nghiệp có quỹ phát triển khoa học và công nghệ không?

Quỹ phát triển KH&CN là quỹ đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, được thành lập theo Điều 9 Nghị định 95/2014/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan:

- Doanh nghiệp nhà nước hàng năm phải trích từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp ngoài nhà nước được quyền trích từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp một tỷ lệ hợp lý, tối đa 10% để lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

11. Doanh nghiệp có bộ phận nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không?

Bộ phận chuyên trách về NC&PT là một phòng, ban, một trung tâm hoặc đơn thuần là một tổ, một bộ phận,... có chức năng chuyên về hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển sản phẩm mới, quy trình công nghệ mới hoặc nghiên cứu cải tiến về kỹ thuật những sản phẩm, quy trình công nghệ đang có.

THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG DOANH NGHIỆP NĂM 2018

Mục II: Các đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp

Một đổi mới sáng tạo (ĐMST) là *một sản phẩm hay một quy trình SXKD mới hoặc được cải tiến (hoặc kết hợp cả hai) mà khác một cách đáng kể so với sản phẩm hay quy trình SXKD trước đó của DN và sản phẩm đó đã được đưa ra thị trường hay quy trình SXKD đó đã được DN đưa vào sử dụng.*

Bản chất chung của một Đổi mới sáng tạo là công việc đó phải được hoàn thành và cho ra kết quả được sử dụng, tức là sản phẩm được bán ra thị trường, quy trình được đưa vào sử dụng mang lại giá trị gia tăng cho doanh nghiệp. Có hai loại ĐMST chính là đổi mới sản phẩm và đổi mới quy trình sản xuất kinh doanh (không chỉ đổi mới quy trình công nghệ).

2.1. Đổi mới sản phẩm (ĐMSP)

Đổi mới sản phẩm (ĐMSP): Một đổi mới sản phẩm là một hàng hóa hoặc dịch vụ mới hoặc được cải tiến làm cho hàng hóa hoặc dịch vụ đó khác một cách đáng kể so với hàng hóa hay dịch vụ của DN có trước đó và hàng hóa hoặc dịch vụ đó đã được đưa ra thị trường. Kết quả của hoạt động này bao gồm sản phẩm mới hoặc sản phẩm được cải tiến về kỹ thuật như sau:

- *Sản phẩm mới* là sản phẩm (hàng hóa và dịch vụ) khác về đặc tính kỹ thuật hay tính năng sử dụng so với những sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất trước đó. Sự đổi mới sản phẩm như thế này có thể xuất phát từ việc áp dụng công nghệ mới, việc đưa ra ứng dụng mới từ kết hợp các công nghệ đang có, hoặc từ việc áp dụng tri thức mới. Ví dụ về những sản phẩm mới có áp dụng những công nghệ mới là tivi màn hình cong đầu tiên; Smartphone có camera để chụp ảnh selfie, là những sản phẩm mới kết hợp được các công nghệ sẵn có.

Việc phát triển một tiện ích mới cho một sản phẩm chỉ với những thay đổi nhỏ về đặc tính kỹ thuật của nó chính là đổi mới sản phẩm. Ví dụ như việc giới thiệu một loại bột giặt mới có sử dụng hợp chất hóa học sẵn có mà trước đây được sử dụng như một chất trung gian cho quá trình sơn phủ.

- *Sản phẩm được cải tiến về kỹ thuật* là sản phẩm cũ được bổ sung hoặc nâng cao tính năng. Một sản phẩm đơn giản có thể được cải tiến (để có tính năng tốt hơn hoặc giá thành thấp hơn) bằng cách áp dụng nguyên liệu, thành phần mang lại tính năng cao hơn; hoặc một sản phẩm phức hợp (bao gồm một số bộ phận tích hợp lại) có thể được cải tiến bằng cách thay đổi một vài bộ phận tích hợp.

Việc đưa ra hệ thống chống bó phanh (ABS) và hệ thống định vị toàn cầu

(GPS), hay những cải tiến của những hệ thống phụ khác trong xe ô tô là một ví dụ về việc đổi mới sản phẩm bao hàm những thay đổi từng phần hoặc bổ sung thêm một trong số các hệ thống kỹ thuật phụ tích hợp. Việc sử dụng sợi vải thông thoáng trong sản xuất quần áo là một ví dụ về đổi mới sản phẩm liên quan đến việc sử dụng nguyên liệu mới giúp cải thiện hiệu suất sản phẩm.

ĐMSP bao hàm hai loại sản phẩm cơ bản là hàng hóa và dịch vụ:

Hàng hóa bao gồm các vật hữu hình và một số sản phẩm chứa đựng thông tin¹ có thể mà thông qua đó quyền sở hữu được thiết lập và quyền sở hữu đó được chuyển giao thông qua giao dịch thị trường.

Dịch vụ là các hoạt động vô hình được sản xuất và tiêu thụ đồng thời và nó thay đổi các điều kiện của người dùng (ví dụ: điều kiện thể chất, tâm lý, v.v.). Sự tham gia của người dùng thông qua thời gian, sự sẵn sàng, sự chú ý, sự trao đổi thông tin hoặc nỗ lực của họ thường là điều kiện cần thiết đưa đến sự cùng phối hợp sản xuất ra các dịch vụ của người dùng và doanh nghiệp. Do đó, các đặc tính hoặc ấn tượng của một dịch vụ có thể phụ thuộc vào sự tương tác, phối hợp của người dùng. Dịch vụ cũng có thể bao gồm một số sản phẩm chứa đựng thông tin².

Sản phẩm được đổi mới là sản phẩm trước tiên phải mới đối với doanh nghiệp, nhưng không nhất thiết phải mới đối với thị trường của doanh nghiệp. Cũng không phân biệt là việc đổi mới sáng tạo đó là do doanh nghiệp thực hiện đầu tiên hay được thực hiện bởi doanh nghiệp khác.

12. Trong năm 2018, doanh nghiệp có đưa ra thị trường các sản phẩm mới hoặc sản phẩm được cải tiến không?

Tích “✓” vào ô phù hợp. Nếu câu trả lời là có thì tiếp tục trả lời từ câu hỏi 13 trở đi. Nếu câu trả lời là Không thì bỏ qua câu 13, 14, 15 và tiếp tục trả lời Mục 2.2 từ câu 16 trở đi.

13. Số loại sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến theo phương thức thực hiện

Ghi tổng số loại sản phẩm mới được đưa ra thị trường và tổng số loại sản phẩm cải tiến được đưa ra thị trường. Sau đó ghi số loại sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến theo từng phương thức thực hiện bao gồm:

1. Doanh nghiệp tự thực hiện;

¹ Ví dụ như: bản nhạc, bộ phim, sách điện tử,... được chứa trong đĩa CD, USB,... và CD, USB là những hàng hóa. Người tiêu dùng, sau khi mua, có thể chia sẻ hoặc bán lại cho người khác.

² Ví dụ như: : bản nhạc, bộ phim, sách điện tử,... được lưu giữ trên Đám mây điện toán và người tiêu dùng phải trả phí (dịch vụ, bản quyền,...) khi muốn truy cập đến các bản nhạc, bộ phim, cuốn sách để sử dụng và phải tuân thủ các quy định về bản quyền như: không được sao chép, chia sẻ cho người khác.

2. Doanh nghiệp hợp tác với tổ chức khác để thực hiện;
3. Do tổ chức khác thực hiện.

14. Mức độ “mới” của các sản phẩm mới và sản phẩm được cải tiến (được liệt kê trong câu hỏi 13)

Trong các sản phẩm mới và sản phẩm được cải tiến được liệt kê trong câu 13, hãy cho biết mức độ “mới” của các sản phẩm đó và số lượng loại sản phẩm theo từng mức độ mới bao gồm:

1. Mới với thị trường của doanh nghiệp: Doanh nghiệp giới thiệu một sản phẩm mới hoặc sản phẩm được cải tiến ra thị trường của DN trước cả đối thủ cạnh tranh (sản phẩm này có thể đã có ở thị trường khác);
2. Mới chỉ với doanh nghiệp: Doanh nghiệp giới thiệu một sản phẩm mới hoặc sản phẩm được cải tiến ra thị trường mà sản phẩm này đã được đối thủ cạnh tranh giới thiệu tại thị trường của doanh nghiệp.

15. Tỷ trọng của doanh thu năm 2018 đối với các loại sản phẩm của doanh nghiệp:

Trong tổng doanh thu hàng hóa và dịch vụ năm 2018, ước tính tỷ lệ (%) doanh thu của:

- Sản phẩm mới: lấy doanh thu năm 2018 của các sản phẩm loại này chia cho tổng doanh thu hàng hóa và dịch vụ năm 2018 của doanh nghiệp để có tỷ trọng (%);
- Sản phẩm được cải tiến về kỹ thuật: lấy doanh thu năm 2018 của các sản phẩm loại này chia cho tổng doanh thu hàng hóa và dịch vụ năm 2018 của doanh nghiệp để có tỷ trọng (%);
- Sản phẩm còn lại khác: Lấy tổng doanh thu của các sản phẩm khác còn lại (sản phẩm cũ, kể cả các sản phẩm được mua từ doanh nghiệp khác để bán lại) chia cho tổng doanh thu hàng hóa và dịch vụ năm 2018 của doanh nghiệp để có tỷ trọng (%).

Tổng tỷ trọng các sản phẩm này là 100%.

Mục 2.2. Đổi mới quy trình sản xuất kinh doanh (SXKD)

Đổi mới quy trình SXKD (ĐMQT): Một đổi mới quy trình SXKD là một quy trình SXKD mới hoặc được cải tiến về một hoặc nhiều chức năng SXKD làm cho quy trình khác một cách đáng kể so với quy trình SXKD trước đó của DN và quy trình đó đã được DN đưa vào sử dụng.

Quy trình SXKD là quy trình liên quan đến 6 chức năng cơ bản của DN, cụ

thể: (i) Sản xuất hàng hóa hoặc dịch vụ; (ii) Phân phối và lưu thông; (iii) Bán hàng và tiếp thị; (iv) Hệ thống thông tin và công nghệ truyền thông; (v) Điều hành và quản lý; (vi) Phát triển sản phẩm và quy trình SXKD.

Các loại DMQT:

1. Quy trình sản xuất hàng hóa và dịch vụ: Là các hoạt động biến chuyển “đầu vào” thành hàng hóa hoặc dịch vụ, bao gồm cả hoạt động kỹ thuật và thử nghiệm kỹ thuật, phân tích và chứng nhận để phục vụ cho sản phẩm.

2. Phân phối và lưu thông: Chức năng này bao gồm:

- a. Vận chuyển và phân phối sản phẩm
- b. Kho bãi
- c. Quản lý đơn hàng

3. Bán hàng và tiếp thị: Chức năng này bao gồm:

- a. Các phương pháp tiếp thị bao gồm quảng cáo (về sản phẩm, trưng diện sản phẩm, đóng gói sản phẩm), tiếp thị từ xa, triển lãm và hội chợ, nghiên cứu thị trường và các hoạt động khác để phát triển thị trường mới.
- b. Phương pháp và chiến lược định giá
- c. Hoạt động bán hàng và hậu mãi, bao gồm cả các hoạt động hỗ trợ khách hàng và quan hệ khách hàng

4. Hệ thống thông tin và công nghệ truyền thông: Là hoạt động duy trì và bảo đảm hệ thống thông tin và truyền thông, bao gồm:

- a. Phần cứng và phần mềm
- b. Xử lý dữ liệu và cơ sở dữ liệu
- c. Bảo hành và sửa chữa
- d. Dịch vụ web và các hoạt động thông tin liên quan đến máy tính

Các chức năng này có thể được cung cấp bởi các bộ phận khác nhau.

5. Điều hành và quản lý: Chức năng này bao gồm:

- a. Quản lý kinh doanh chung và kinh doanh chiến lược, bao gồm cả việc triển khai trách nhiệm công việc
- b. Quản trị doanh nghiệp (pháp lý, kế hoạch và quan hệ công chúng)
- c. Kế toán, kiểm toán, thanh toán và các hoạt động tài chính hoặc bảo hiểm khác
- d. Quản lý nhân sự (đào tạo và bồi dưỡng, tuyển dụng nhân viên, tổ chức nơi làm việc, cung cấp nhân sự tạm thời, quản lý tiền lương, hỗ trợ y tế)
- e. Mua sắm
- f. Quản lý các mối quan hệ bên ngoài với các nhà cung cấp, đối tác,...

6. Phát triển sản phẩm và quy trình SXKD: Các hoạt động để nhận dạng, xác định, phát triển hoặc điều chỉnh các sản phẩm hoặc quy trình SXKD của một DN. Chức năng này có thể được thực hiện một cách có hệ thống hoặc thông qua một nhiệm vụ riêng, và được thực hiện trong DN hoặc thu được từ các nguồn bên ngoài. Chịu trách nhiệm về các hoạt động này có thể do một bộ phận riêng biệt hoặc do các bộ phận có các chức năng khác phụ trách, ví dụ: bộ phận sản xuất hàng hóa hoặc dịch vụ.

16. Trong năm 2018, doanh nghiệp có đưa ra thị trường hoặc đưa vào áp dụng quy trình SXKD mới hoặc quy trình được cải tiến không?

Tích “✓” vào ô phù hợp. Nếu câu trả lời là Có tiếp tục trả lời các câu 17, 18, nếu Không chuyển tới câu 19.

17. Phương thức thực hiện đối với từng loại quy trình?

Ghi số quy trình mới hoặc được cải tiến vào phương thức thực hiện tương ứng.

Quy trình SXKD mới hoặc quy trình SXKD được cải tiến bao gồm:

- Phương pháp sản xuất, chế biến sản phẩm của doanh nghiệp;
- Phương pháp logistic, vận chuyển hoặc phân phối nguyên vật liệu đầu vào, thành phẩm của doanh nghiệp;
- Tiếp thị và bán hàng;
- Hệ thống thông tin và truyền thông;
- Quản lý và hành chính;
- Phát triển sản phẩm và quy trình SXKD.

Phương thức thực hiện bao gồm:

- Doanh nghiệp tự thực hiện;
- Doanh nghiệp hợp tác với tổ chức khác để thực hiện;
- Do tổ chức khác thực hiện.

18. Phương thức đổi mới quy trình SXKD:

Đánh dấu “✓” vào tối đa **03** phương thức chủ yếu nhất đã thực hiện trong các phương thức dưới đây:

1. Đầu tư máy móc, thiết bị, hàng hóa đã gắn liền công nghệ mới;
2. Nâng cấp/chỉnh sửa công nghệ, thiết bị hiện tại;
3. Thuê công nghệ, thiết bị do các công ty khác cung cấp;
4. Thông qua ký hợp đồng lao động mới với người có kỹ năng và kinh nghiệm;
5. Nhận chuyển giao công nghệ từ các tổ chức KH&CN công lập (viện nghiên cứu, đại học,...);

Nếu **Có áp dụng** vui lòng cho biết giá trị chuyển giao, đơn vị tính: triệu đồng;

6. Nhận chuyển giao công nghệ từ các tổ chức KH&CN khác;

7. Khác (Ghi cụ thể phương thức đổi mới khác).

Mục III: Tình hình thực hiện các hoạt động ĐMST

Hoạt động đổi mới sáng tạo là các hoạt động khoa học, công nghệ, tổ chức và quản lý, tài chính, thương mại... để thực hiện/hoàn thành đổi mới sản phẩm, đổi mới quy trình, đổi mới tổ chức và quản lý hoặc đổi mới tiếp thị. Doanh nghiệp có hoạt động ĐMST là DN thực hiện các hoạt động ĐMST, trong giai đoạn quan sát, kể cả các hoạt động đang triển khai (chưa hoàn thành) hay hoạt động bị dừng giữa chừng.

19. Trong năm 2018, doanh nghiệp có tiến hành các hoạt động nào sau đây phục vụ đổi mới sáng tạo?

Câu 22 nhằm ghi nhận những hoạt động ĐMST mà doanh nghiệp đã thực hiện trong năm 2018.

Mỗi hoạt động tích “✓” vào ô phù hợp

Nếu doanh nghiệp **CÓ** tiến hành các hoạt động đổi mới sáng tạo, đề nghị ước tính số tiền doanh nghiệp dành ra để thực hiện hoạt động đó (chi phí cho hoạt động đổi mới sáng tạo) trong năm 2018.

Cụ thể các hoạt động ĐMST như sau:

1. Hoạt động NC&PT thực hiện trong nội bộ doanh nghiệp: Hoạt động này bao gồm tất cả các hoạt động NC&PT sản phẩm, công nghệ, thiết bị,... được các doanh nghiệp tiến hành, bao gồm cả nghiên cứu cơ bản để nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ chi phí sản xuất, thay thế nguyên liệu mới, sản phẩm mới... (kể cả chi phí thử nghiệm trước khi đưa vào ứng dụng) và toàn bộ chi phí cho đầu tư ứng dụng để đổi mới công nghệ cũ, bao gồm chi phí thiết bị, chi phí XDCB cho hoạt động NC&PT, chi phí chạy thử....;

2. Hoạt động kỹ thuật, thiết kế và các hoạt động sáng tạo khác: Hầu hết các công việc thiết kế và công việc sáng tạo khác là các hoạt động đổi mới, ngoại trừ các công việc thiết kế nhỏ mà những thay đổi do thiết kế nhỏ mang lại không đáp ứng các yêu cầu của một đổi mới sáng tạo, chẳng hạn như sản xuất một sản phẩm hiện tại trong một màu sắc mới. Nhiều công việc kỹ thuật không phải là hoạt động đổi mới, chẳng hạn như thực hiện thủ tục sản xuất và kiểm soát chất lượng hàng ngày đối với các quy trình hiện có. Các công việc kỹ thuật để thực hiện giải mã công nghệ, hoặc để thay đổi hoặc giới thiệu quy trình sản xuất, dịch vụ hoặc phương thức giao hàng mới, có thể là hoặc không là một hoạt động ĐMST, tùy thuộc vào việc các hoạt động này được tiến hành để đổi mới hoặc vì mục đích khác;

3. Hoạt động tiếp thị và giá trị thương hiệu: Hoạt động tiếp thị cho các sản phẩm hiện tại chỉ là hoạt động đổi mới nếu thực tế tiếp thị đang là một đổi mới sáng tạo. Đối với nhiều doanh nghiệp, chỉ một phần nhỏ chi tiêu tiếp thị có thể liên quan đến các đổi mới sản phẩm được đưa ra thị trường trong giai đoạn quan sát. Các hoạt động đổi mới liên quan bao gồm: nghiên cứu sơ bộ thị trường, thử nghiệm thị trường, ra mắt quảng cáo và triển khai cơ chế giá và phương pháp trình diễn sản phẩm đối với sản phẩm đổi mới. Trong một số trường hợp, những lợi thế của đổi mới quy trình sản xuất kinh doanh cũng có thể được đưa lên tiếp thị, ví dụ nếu đổi mới quy trình kinh doanh có lợi ích về môi trường hoặc cải thiện chất lượng sản phẩm;

4. Mua tri thức từ bên ngoài: là doanh nghiệp mua quyền phát hành, bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, giấy phép nhượng quyền, bí quyết sản xuất và các dạng thông tin/tri thức khác từ bên ngoài doanh nghiệp để phát triển sản phẩm và quy trình công nghệ mới hoặc để cải tiến sản phẩm và quy trình công nghệ cũ;

5. Đào tạo, tập huấn về hoạt động đổi mới sáng tạo: là doanh nghiệp tổ chức đào tạo, tập huấn trong hoặc ngoài doanh nghiệp cho nhân lực của doanh nghiệp để nâng cao kỹ năng và kinh nghiệm của người lao động hay tuyển dụng thêm lao động mới có kỹ năng và kinh nghiệm phục vụ ĐMST;

6. Hoạt động về cơ sở dữ liệu và phát triển phần mềm: Phát triển phần mềm là một hoạt động đổi mới sáng tạo khi hoạt động đó nhằm triển khai các quy trình SXKD hoặc sản phẩm mới hoặc được cải tiến, như trò chơi máy tính, hệ thống hậu cần hoặc phần mềm để tích hợp các quy trình sản xuất kinh doanh. Hoạt động về cơ sở dữ liệu là một hoạt động đổi mới sáng tạo khi hoạt động đó được dùng cho ĐMST, chẳng hạn như phân tích dữ liệu về các tính chất của vật liệu hoặc sở thích của khách hàng;

7. Mua sắm, thuê công nghệ, máy móc, thiết bị và phần mềm cho ĐMST;

8. Hoạt động quản lý ĐMST: Quản lý đổi mới bao gồm tất cả các hoạt động có hệ thống để lập kế hoạch, điều hành và kiểm soát các nguồn lực bên trong và bên ngoài phục vụ đổi mới sáng tạo. Điều này bao gồm cách phân bổ nguồn lực cho đổi mới sáng tạo, thực hành trách nhiệm và quyền ra quyết định trong nhân viên, quản lý sự cộng tác với các đối tác bên ngoài, tích hợp các yếu tố đầu vào từ bên ngoài vào các hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp và vào các hoạt động giám sát kết quả đổi mới sáng tạo và hỗ trợ học hỏi kinh nghiệm. Quản lý đổi mới sáng tạo bao gồm các hoạt động xây dựng chính sách, chiến lược, mục tiêu, quy trình, cấu trúc, vai trò và trách nhiệm để triển khai ĐMST trong doanh nghiệp, cũng như các phương thức để xem xét và đánh giá các hoạt động đó. Thông tin về quản lý đổi mới sáng tạo có liên quan đến nghiên cứu về hiệu quả chi tiêu cho các hoạt động đổi mới sáng tạo để tạo ra doanh số

hoặc kết quả khác của đổi mới sáng tạo.

20. Tình trạng hoạt động ĐMST của doanh nghiệp trong năm 2018?

Tích “✓” vào ô phù hợp của mỗi dòng.

Tình trạng của các hoạt động ĐMST bao gồm:

1. Các hoạt động ĐMST bị dừng trong năm 2018?
2. Các hoạt động ĐMST vẫn đang được thực hiện tại thời điểm 31/12/2018?
3. Các hoạt động ĐMST đã được hoàn thành trước 31/12/2018?

21. Nếu cả 03 câu 12, 16, và 20 đều trả lời là “Không” thì bỏ qua mục IV-VIII và tiếp tục trả lời các câu hỏi ở mục IX và X, còn lại đi đến mục IV.

Mục IV: Các yếu tố tác động tích cực đến hoạt động đổi mới sáng tạo

22. Đánh giá lợi ích các hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp mang lại trong năm 2018? Với mức cho điểm từ 1 đến 5

Khoanh tròn vào lựa chọn phù hợp theo 5 mức độ: 1 (Rất kém) , 2 (Kém), 3 (Trung bình), 4 (Khá), 5 (Tốt) đối với mỗi lợi ích liệt kê dưới đây:

- Phát triển nhanh sản phẩm mới để đưa ra thị trường;
- Làm cho khoản đầu tư NC&PT mang lại hiệu quả thiết thực;
- Tiếp cận nhanh công nghệ tiên tiến;
- Đưa nhanh công nghệ tiên tiến ra thị trường.

23. Đánh giá mức độ quan trọng của các mục tiêu dưới đây đặt ra đối với hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong năm 2018?

Ứng với mỗi mục tiêu chỉ tích “✓” vào 01 đáp án trả lời phù hợp

Nếu doanh nghiệp tiến hành nhiều hoạt động đổi mới sáng tạo trong năm 2018, đề nghị cho đánh giá một cách tổng hợp các mục tiêu đặt ra đối với các hoạt động ĐMST.

Mục V: Nhà nước hỗ trợ ĐMST

24. Trong hoạt động đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp đã được hưởng lợi từ các hình thức hỗ trợ nào của Nhà nước?

Đánh dấu “✓” và cột “Có” hoặc “Không” tương ứng với các hình thức hỗ trợ, cụ thể:

1. Các chính sách hỗ trợ ĐMST (Giảm thuế, trích lập quỹ PT KH&CN, hỗ trợ tài chính thông qua giảm lãi suất tiền vay, giảm thuế,...);
2. Tín dụng (Các hỗ trợ, tài trợ liên quan đến khoản vay,...);

3. Tư vấn kỹ thuật (từ các chuyên gia, các nhà khoa học từ các tổ chức công lập; từ các tổ chức nghiên cứu, các trường đại học công lập,...);

4. Thực hiện các dự án (Nhiệm vụ, Chương trình KH&CN; Chương trình IPP,...);

5. Hình thức hỗ trợ khác (ghi rõ):...

Nếu chọn “**Không**” tiếp tục tích “✓” vào 1 trong các ô a, b, c, d, e tương ứng với các lý do sau:

- a. Chưa biết về các hình thức hỗ trợ này từ Nhà nước
- b. Các hình thức hỗ trợ không có liên quan đến các nhu cầu của doanh nghiệp
- c. Doanh nghiệp không biết đầu mối để kết nối với các hình thức hỗ trợ
- d. Quy trình xét duyệt hỗ trợ rất phức tạp
- e. Doanh nghiệp không đủ năng lực kỹ thuật để có thể xin hỗ trợ.

Mục VI: Vốn cho ĐMST

25. Vốn đầu tư cho hoạt động ĐMST được huy động từ đâu trong năm 2018

Tích “✓” vào tất cả các đáp án trả lời phù hợp.

Mục VII: Hợp tác ĐMST

26. Trong năm 2018, doanh nghiệp có hợp tác với tổ chức khác để thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo không?

Hợp tác về đổi mới sáng tạo là hoạt động tham gia cùng các doanh nghiệp hoặc các tổ chức không kinh doanh khác trong các hoạt động đổi mới sáng tạo. Trong sự hợp tác này cả hai bên đều chưa tính cụ thể đến lợi ích thương mại. Đánh dấu “✓” vào ô “Có” hoặc “Không” phù hợp.

27. Đánh giá mức độ quan trọng của từng nhóm đối tác dưới đây trong các hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong năm 2018?

Mỗi dòng tích tích “✓” vào 01 đáp án trả lời phù hợp.

Các đối tác đó là:

- Nhà cung cấp thiết bị, nguyên vật liệu thô, đầu vào trung gian, hoặc phần mềm;
- Khách hàng;
- Đối thủ cạnh tranh hoặc doanh nghiệp khác cùng ngành;
- Các trường đại học, cao đẳng;

- Các viện nghiên cứu công lập;
- Nhà tư vấn, phòng thí nghiệm, hoặc tổ chức NC&PT ngoài nhà nước.

Mục VIII: Nguồn thông tin cho ĐMST

28. Trong năm 2018, hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp xuất phát từ nguồn thông tin nào sau đây (đánh giá theo mức quan trọng của nguồn thông tin)?

(Ứng với mỗi Nguồn thông tin chỉ tích “✓” vào 01 đáp án trả lời phù hợp):

- Nguồn thông tin “Nội bộ”: là những thông tin từ trong doanh nghiệp hoặc từ tập đoàn/tổng công ty.

- Nguồn thông tin “Thị trường”: là những thông tin từ nhà cung cấp thiết bị, nguyên vật liệu thô, đầu vào trung gian; từ khách hàng; từ đối thủ cạnh tranh hoặc doanh nghiệp khác cùng ngành; hoặc từ các nhà tư vấn, phòng Lab thương mại, hoặc tổ chức NC&PT ngoài nhà nước

- Nguồn thông tin “Tổ chức”: là những thông tin từ các cơ sở giáo dục đại học hoặc các tổ chức nghiên cứu công lập

- Nguồn thông tin “Khác”: là những thông tin từ Techmart, hội nghị, hội chợ, triển lãm...; khai thác từ các tạp chí khoa học và các xuất bản thương mại/kỹ thuật; từ các hội chuyên ngành.

Mục IX: Thực hiện quyền sở hữu công nghiệp

29. Đơn đăng ký và văn bằng được cấp theo đối tượng sở hữu công nghiệp trong năm 2018

Ghi số lượng đơn đăng ký và văn bằng được cấp vào ô tương ứng đối với các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, bản quyền đã đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp.

Mục X: Các yếu tố cản trở đổi mới sáng tạo

30. Những yếu tố nào đã cản trở doanh nghiệp tiến hành đổi mới sáng tạo? Đánh giá theo mức độ ảnh hưởng của những yếu tố đó.

Bao gồm các yếu tố sau:

1. Chi phí cho ĐMST;
2. Thông tin;
3. Nhân lực;

4. Nhận thức;

5. Thị trường;

6. Thể chế;

Và yếu tố khác (ghi rõ):.....

Đối với mỗi yếu tố chọn mức độ ảnh hưởng tương ứng bao gồm: Cao, Trung bình, Thấp, Không liên quan.